Phụ lục 09

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2025 HUYỆN QUẢNG XƯƠNG

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
I	**Các công trình, dự án đã được xác định trong năm kế hoạch trước và các công trình, dự án theo quy định tại hoản 4 Điều 67 Luật Đất đai được tiếp tục thực hiện trong năm kế hoạch**									
	…									
1.1	**Đất ở nông thôn**									
1	Khu dân cư mới Tiên Phong tại xã Tiên Trang	14,50	14,50		5,80	ONT	Xã Tiên Trang	Trích đo bản đồ số 02/TĐĐC-2023 được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 17/10/2023.	Nghị quyết 515/NQ-HĐND ngày 14/03/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp
					8,70	DHT	Xã Tiên Trang			
2	Khu dân cư mới Hồng Phong tại xã Tiên Trang, huyện Quảng Xương	12,69	12,69		5,08	ONT	Xã Tiên Trang	Trích đo bản đồ số 05/TĐĐC-2023 được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 15/10/2024.	Nghị quyết số 586/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp
					7,61	DHT	Xã Tiên Trang			

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
3	Khu dân cư mới Đồng Bái Cương thôn Trung Đình	3,22	3,22		1,29	ONT	Xã Quảng Định	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 242/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Quảng Xương lập ngày 28/8/2023	Nghị quyết 441/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp
					1,93	DHT	Xã Quảng Định			
4	Khu đô thị mới Đông Tân Phong	14,00	14,00		3,81	ONT	Xã Quảng Đức	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 238/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 17/5/2023	Nghị quyết 441/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp
					1,93	TMD				
					2,47	DKV				
					0,08	DVH				
					5,71	DGT				
5	Khu dân cư thôn Phú Đa	0,45	0,45		0,26	ONT	Xã Quảng Đức	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 554/TLBĐ, tỷ lệ 1/1000, do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 07/12/2021	Nghị quyết 441/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp
					0,19	DGT	Xã Quảng Đức			
6	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Tây Tiền Thịnh (VT1) huyện Quảng Xương	5,72	5,72		2,59	ONT	Xã Quảng Đức	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 241/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Quảng Xương lập ngày 28/8/2023	Nghị quyết số 441/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp
					2,13	DHT	Xã Quảng Đức			
					1,00	DHT	Xã Quảng Định			

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
7	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Cống Bà Chầy đi Ngõ Lọc xã Quảng Khê (khu dân cư đường Bà Chây xã Quảng Khê)	7,03	7,03		3,02	ONT	Xã Quảng Khê	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 419/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Quảng Xương lập ngày 07/7/2022	Nghị quyết số 412/NQ-HĐND ngày 12/07/2023 của HĐND tỉnh	DA chuyển tiếp
					0,14	DVH				
					3,87	DGT				
8	Khu đô thị nghỉ dưỡng khoáng nóng tại xã Quảng Yên	99,50	99,50		28,33	ONT	Xã Quảng Yên	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 660/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hoá lập ngày 12/10/2021	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp
					0,41	DVH				
					1,47	DGD				
					1,10	DTT				
					32,73	DKV				
					13,40	TMD				
					22,06	DGT				
9	Khu tái định cư phía Tây đường Tỉnh lộ 504 (Phục vụ dự án khoáng nóng)	19,84	19,84		8,08	ONT	Xã Quảng Yên	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 671/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hoá lập ngày 15/10/2021	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp
					0,27	TMD				
					11,49	DGT				

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
10	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Câu Đồng (VT) xã Quảng Trạch	4,30	4,30		2,40	ONT	Xã Quảng Trạch	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 243/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Quảng Xương lập ngày 28/8/2023	Nghị quyết số 441/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp
					1,90	DGT	Xã Quảng Trạch			
11	Hạ tầng kỹ thuật mặt bằng quy hoạch khu dân cư phía Tây Bắc trường Mầm non, xã Quảng Lộc	4,50	4,50		2,80	ONT	Xã Quảng Lộc	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 378/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Quảng Xương lập ngày 22/6/2022	Nghị quyết số 422/NQ-HĐND ngày 03/8/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp
					0,71	DGD				
					0,99	DGT				
12	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và tái định cư phục vụ các dự án của tập đoàn BRG làm chủ đầu tư và các dự án của huyện tại xã Quảng Nham và Quảng Thạch huyện Quảng Xương	7,08	7,08		2,97	ONT	Xã Quảng Nham	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 495/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Quảng Xương lập ngày 02/8/2022	Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 22/04/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp
					3,00	ONT	Xã Quảng Thạch			
					0,57	DKV				
					0,54	DGT				

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
13	Hạ tầng kỹ thuật khu TĐC dân cư phục vụ GPMB đường từ QL 1A đi đường ven biển xã Xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương	2,71	2,71		0,92	ONT	Xã Quảng Thạch	Trích đo bản đồ số 02/TĐĐC-2023 được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 29/12/2023.	Nghị quyết số 412/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa: Nghị quyết 586/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	DA chuyển tiếp
					0,13	DRA				
					0,12	DKV				
					1,55	DGT				
14	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới thôn Yên Hưng, xã Quảng Văn	1,68	1,68		0,67	ONT	Xã Quảng Văn	Thửa đất số: 348, 296, 254, 255, 231, 197, 177, 127, 107, 81, 64, 65, 63, 17, 33 ,18, 19,2 0, 176, 199, 198, 230, 229, 256, 257, 294, 295, 309; tờ bản đồ số 12	Nghị quyết số 422/NQ-HĐND ngày 03/8/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp
					1,01	DGT	Xã Quảng Văn			
15	Hạ tầng kỹ thuật mặt bằng quy hoạch xã Quảng Giao	4,20	4,20		1,89	ONT	Xã Quảng Giao	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 240/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Quảng Xương lập ngày 25/8/2023	Nghị quyết số 441/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp
					2,31	DHT	Xã Quảng Giao			
16	Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư, xen cư phục vụ dự án đường giao thông từ QL1A đi đường ven biển địa phận xã Quảng Chính, huyện Quảng Xương	6,29	6,29		2,34	ONT	Xã Quảng Chính	Mảnh trích đo bản đồ địa chính số 228/TLBĐ do chi nhánh Văn phòng đăng ký ĐĐ Quảng Xương lập ngày 26/7/2023	Nghị quyết số 412/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp
					3,69	DGT				
					0,26	DKV				

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
1.2	**Đất ở đô thị**									
1	Khu đô thị mới Đông Tân Phong	11,00	11,00		3,49	ODT	Thị trấn Tân Phong	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 238/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 17/5/2023	Nghị quyết 441/NQ-HĐND ngày 29/9/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp
					1,30	DKV				
					0,10	DVH				
					6,11	DHT				
2	Khu dân cư mới Ước Ngoại	10,80	10,80		4,50	ODT	Thị trấn Tân Phong	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 178/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hoá lập ngày 30/01/2024	Nghị quyết 586/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp
					0,07	DVH				
					0,23	TMD				
					0,38	DGD				
					0,69	DKV				
					4,93	DHT				
3	Khu đô thị phía đông công sở Thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương (khu dân cư mới tại thị trấn Tân Phong)	48,13	48,13	7,13	13,35	ODT	Thị trấn Tân Phong	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 202/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hoá lập ngày 20/4/2023	Nghị quyết số 422/NQ-HĐND ngày 03/8/2023 của HĐND tỉnh; Nghị quyết 586/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	DA chuyển tiếp
					17,97	DGT				
					4,37	DKV				
					1,79	DGD				
					1,29	TMD				
					2,23	SKC HT				

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
4	Khu dân cư mới kết hợp thương mại dịch vụ tổng hợp phía tây Thị trấn Tân Phong , huyện Quảng Xương	22,65	22,65	1,35	4,44	ODT	Thị trấn Tân Phong	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 128/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hoá lập ngày 19/1/2024	Nghị quyết số 422/NQ-HĐND ngày 03/8/2023 của HĐND tỉnh	DA chuyển tiếp
					10,11	DGT				
					3,51	DKV				
					1,38	DCH				
					1,19	TMD				
					0,39	DGD				
					0,29	DVH				
1.3	**Đất quốc phòng**									
1	Trạm Kiểm soát Biên phòng Xã Quảng Nham	0,70	0,70		0,70	CQP	Xã Quảng Nham	Tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính xã Quảng Nham đo vẽ năm 1994	Văn bản số 10164/UBND_NN ngày 15/7/2021 của UBND tỉnh Thanh Hoá. Về việc chấp thuận địa điểm thực hiện dự án trạm Biên phòng Xã Quảng Nham của Bộ Chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh Thanh Hoá	DA chuyển tiếp
1.4	**Đất an ninh**									

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
1	Trụ sở Công an thị trấn Tân Phong	0,12	0,12		0,12	CAN	Thị trấn Tân Phong	Thửa đất số 554; tờ số 13; bản đồ xã Quảng Phong.	Công văn số 3594/CAT-PH10 ngày 08/10/2024 về việc cập nhật kế hoạch sử dụng đất an ninh năm 2024, 2025 của Công an tỉnh Thanh Hoá	DA chuyển tiếp
2	Trụ sở Công an xã Quảng Định	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Quảng Định	Thửa đất số: 1105, 1244; tờ bản đồ số 6.	Nghị quyết số 559/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	DA chuyển tiếp
3	Trụ sở Công an xã Quảng Đức	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Quảng Đức	Thửa đất số 1141; tờ bản đồ số 7.	Công văn số 3594/CAT-PH10 ngày 08/10/2024 về việc cập nhật kế hoạch sử dụng đất an ninh năm 2024, 2025 của Công an tỉnh Thanh Hoá	DA chuyển tiếp
4	Trụ sở Công an xã Quảng Giao	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Quảng Giao	Thửa đất số: 372; tờ bản đồ số 11.		DA chuyển tiếp
5	Trụ sở Công an xã Quảng Khê	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Quảng Khê	Thửa đất số: Tờ bản đồ số 12.	Nghị quyết số 559/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	DA chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
6	Trụ sở Công an xã Quảng Hoà	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Quảng Hoà	Thửa đất số: 1046, 1073, 1000; tờ bản đồ số 15.	Công văn số 3594/CAT-PH10 ngày 08/10/2024 về việc cập nhật kế hoạch sử dụng đất an ninh năm 2024, 2025 của Công an tỉnh Thanh Hoá	DA chuyển tiếp
7	Trụ sở Công an xã Quảng Lộc	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Quảng Lộc	Tờ bản đồ số 13, thửa đất số 928.		DA chuyển tiếp
8	Trụ sở Công an xã Quảng Lưu	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Quảng Lưu	Thửa đất số: 2233, 2234,2264, 2265, 2266, 2267, 2268, 2269, 2321, 2322, 2323; tờ bản đồ số 18.		DA chuyển tiếp
9	Trụ sở Công an xã Quảng Phúc	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Quảng Phúc	Thửa đất số 418; Tờ bản đồ số 10.		DA chuyển tiếp
10	Trụ sở Công an xã Quảng Thái	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Quảng Thái	Thửa đất số: 168, 169, 170, 174, 158.; tờ bản đồ số 14.		DA chuyển tiếp
11	Trụ sở Công an xã Quảng Thạch	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Quảng Thạch	Thửa đất số: 688,689; tờ bản đồ 01, bản đồ năm 1994	Nghị quyết số 559/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	DA chuyển tiếp
12	Trụ sở Công an xã Quảng Trường	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Quảng Trường	Thửa đất số 429; tờ bản đồ số 13		DA chuyển tiếp
13	Trụ sở Công an xã Quảng Long	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Quảng Long	Thửa đất số 400; tờ bản đồ số 9.		DA chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
14	Trụ sở Công an xã Quảng Yên	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Quảng Yên	Thửa đất số 2; tờ bản đồ số 18	Công văn số 3594/CAT-PH10 ngày 08/10/2024 về việc cập nhật kế hoạch sử dụng đất an ninh năm 2024, 2025 của Công an tỉnh Thanh Hoá	DA chuyển tiếp
15	Trụ sở Công an xã Quảng Văn	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Quảng Văn	Thửa đất số: 996; tờ bản đồ số 10		DA chuyển tiếp
16	Trụ sở Công an xã Tiên Trang	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Tiên Trang	Thửa đất số: 249,251; Tờ bản đồ số 01, bản đồ năm 1993 (xã Quảng Lợi cũ, nay là xã Tiên Trang)		DA chuyển tiếp
1.5	**Đất cụm công nghiệp**									
1	Cụm công nghiệp Nham Thạch	13,86	13,86		13,86	SKN	Xã Quảng Thạch	Mảnh trích đo địa chính số: 01/TĐĐC-2022 được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 04/5/2022	Nghị quyết số 515/NQ-HĐND ngày 14/3/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp
2	Cụm Công nghiệp Cống Trúc	39,94	39,94		39,94	SKN	Xã Quảng Bình	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 369/TLBĐ tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hoá lập ngày 25/6/2021	Nghị quyết 558/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
3	Cụm công nghiệp Quảng Yên	60,00	60,00		60,00	SKN	Xã Quảng Yên	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 788/TLBĐ tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Thanh Hóa lập ngày 01/12/2022	Nghị quyết số 422/NQ-HĐND ngày 13/08/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp
1.6	**Đất công trình giao thông**									
1	Đường giao thông từ cầu Thắng Phú (xã Quảng Ngọc) đi QL1A (xã Quảng Bình)	12,80	12,80		8,91	DGT	Xã Quảng Ngọc	Trích bản đồ đồ địa chính số 584/TLBĐ do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Quảng Xương lập ngày 19/9/2022	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa: Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 22/04/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa: Nghị quyết số 385/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 412/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp
					3,89	DGT	Xã Quảng Bình			
2	Đường giao thông từ QL1A đi đường ven biển (từ Quảng Chính đi Quảng Thạch)	6,90	6,90		5,62	DGT	Xã Quảng Thạch	Mảnh trích đo địa chính số 01/TĐĐC-2003 được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 07/2/2023	Nghị quyết số 412/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp
					1,28		Xã Quảng Chính			

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
3	Đường giao thông nối đường Ninh Nhân Hải đến đường xóm Thắng đi đường Thanh Niên huyện Quảng Xương	0,56	0,56		0,56	DGT	Xã Quảng Nhân	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 22/04/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp
4	Điểm đấu nối từ đường Tân Trạch vào MBQH số 115/UB-TNMT và MBQH 2651/QĐ-UBND	0,12	0,12		0,12	DGT	Xã Quảng Trạch	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 241/NQ-HĐND ngày 13/04/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp
5	Mở rộng đường từ QL 1A đến trung tâm hành chính - văn hóa xã Quảng Chính	0,54	0,54		0,54	DGT	Xã Quảng Chính	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 22/04/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp
6	Đường giao thông nối từ đường viên biển vào khu tái định cư và Từ khu tái định cư đến khu dân cư thôn 1	0,20	0,20		0,20	DGT	Xã Quảng Hải	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 385/NQ-HĐND ngày 24/3/2023 của HĐND tỉnh	DA chuyển tiếp
7	Đường từ núi Văn Trinh (ĐT504) đến đường Thọ Xuân - Nghi Sơn (ĐT506), tỉnh Thanh Hóa	9,91	9,91		3,62	DGT	Xã Quảng Văn	Mảnh trích lục bản đồ địa chính số 194/TLBĐ do chi nhánh Văn phòng đăng ký ĐĐ Quảng Xương lập ngày 12/6/2023	Nghị quyết số 412/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp
					5,29	DGT	Xã Quảng Long			
					1,00	DGT	Xã Quảng Ngọc			

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
8	Đường giao thông Bắc - Nam 3, đoạn từ đường Hoàng Bùi Hoàn đến đường QL47C kéo dài, huyện Quảng Xương	25,33	25,33		3,31	DGT	Xã Quảng Bình	Mảnh trích lục bản đồ địa chính số 230/TLBĐ do chi nhánh Văn phòng đăng ký ĐĐ Quảng Xương lập ngày 27/7/2023 và Bản đồ hiện trạng sử dụng đất	Nghị quyết số 412/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp
					4,46	DGT	Xã Quảng Hợp			
					3,42	DGT	Xã Quảng Trạch			
					4,21	DGT	Xã Quảng Ninh			
					9,93	DGT	Thị trấn Tân Phong			
9	Đường giao thông nối Quốc lộ 47 xã Đông Anh, huyện Đông Sơn với Quốc lộ 45 xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương	0,10	0,10		0,10	DGT	Xã Quảng Yên	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 441/NQ-HĐND ngày 23/9/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	DA chuyển tiếp
10	Mở mới tuyến đường đoạn từ Quảng Định - Quảng Lưu huyện Quảng Xương	41,35	41,35		6,76	DGT	Xã Quảng Lưu	Mảnh trích lục bản đồ địa chính số 812/TLBĐ của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Quảng Xương lập ngày 12/12/2022	Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 22/04/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa (DT 38,7 ha); Nghị quyết số 412/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa (DT 2,65 ha)	DA chuyển tiếp
					11,82	DGT	Xã Quảng Định			
					11,27	DGT	Xã Quảng Đức			
					11,50	DGT	Xã Quảng Nhân			

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
1.7	**Đất công trình thủy lợi**									
1	Kè chống sạt lở bờ sông Hoàng xã Quảng Long	0,01	0,01		0,01	DTL	Xã Quảng Long	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 412/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp
2	Xử lý khẩn cấp kè chống sạt lở đê bao bờ tả sông Yên đoạn từ K1+200- K1+700 xã Quảng Phúc huyện Quảng Xương	0,25	0,25		0,25	DTL	Xã Quảng Phúc	Công trình theo tuyến	Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 03/3/2023 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt danh mục, mức hỗ trợ và phân bổ kinh phí ngân sách Trung ương hộ trợ hậu quả khắc phục thiên tai 10 tháng đầu năm 2022	DA chuyển tiếp
1.8	**Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo**									
1	Xây dựng trường mầm non Quảng Hải	0,84	0,84		0,84	DGD	Xã Quảng Hải	Thửa đất số 103; tờ bản đồ số 14	Nghị quyết số 245/NQ-HĐND ngày 22/04/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
2	Trường Tiểu học xã Quảng Bình	1,40	1,40		1,40	DGD	Xã Quảng Bình	Thửa đất số: 212, 234, 250, 251, 252, 277, 278, 279, 280, 302, 303, 304 276, 391, 392, 341, 342, 359, 360, 1333; tờ bản đồ số 17	Nghị quyết số 164/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh	DA chuyển tiếp
1.9	**Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng**									
1	Công trình trạm biến áp 220KV Sầm Sơn và đường dây đấu nối 220KV Thanh Hóa- Sầm Sơn tại thành phố Sầm Sơn và các huyện: Quảng Xương, Nông Công, Đông Sơn, Thiệu Hoá	2,34	2,34		2,34	DNL	Các xã: Quảng Yên; Quảng Long; Quảng Hoà; Quảng Hợp; TT Tân Phong; Quảng Ninh; Quảng Đức; Quảng Giao	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 586/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh	DA chuyển tiếp
1.10	**Đất tôn giáo**									
1	Xây dựng, tôn tạo chùa Thiên Thống	0,50	0,50		0,50	TON	Xã Quảng Nhân	Thửa đất số: 488; 748; 487; 486; tờ bản đồ số 10	Nghị quyết số 241/NQ-HĐND ngày 13/04/2022 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
1.11	**Đất thương mại dịch vụ**									
1	Nhà hàng Thượng Hà	0,56	0,56		0,56	TMD	Xã Quảng Trung	Trích lục bản đồ địa chính số183/TLBĐ, tỷ lệ 1/2000, do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hoá lập ngày 29/03/2018	Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 26/1/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp
2	Khu thương mại dịch vụ (Dự án khu dịch vụ thương mại, dịch vụ sinh thái)	1,60	1,60		1,60	TMD	Xã Quảng Trung	Trích lục bản đồ địa chính số 264/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hoá lập ngày 10/4/2024	Quyết định 1692/QĐ-UBND ngày 25/4/2024 của UBND tỉnh	DA chuyển tiếp
3	Khu thương mại dịch vụ (Khu du lịch sinh thái Bình Dương)	5,75	4,99		4,99	TMD	Xã Quảng Lưu	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 442/TLBĐ, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 04/8/2023	Quyết đinh số 3323/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 của UBND tỉnh	DA chuyển tiếp
			0,76		0,76	TMD	Xã Quảng Hải			
4	Cửa hàng xăng dầu và khu dịch vụ thương mại Tân Phong	0,41	0,41		0,41	TMD	Thị trấn Tân Phong	Trích lục bản đồ địa chính số 847/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hoá lập ngày 28/12/2023;	Quyết đinh số 4476/UBND ngày 27/11/2023 của UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư	DA chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
5	Khu thương mại dịch vụ		0,94		0,94	TMD	Thị trấn Tân Phong	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 680/TL Đ tỷ lệ 1/1000 do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 04/10/2022.	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 680/TLBĐ tỷ lệ 1/1000 do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hoá lập ngày 04/10/2022	DA chuyển tiếp
6	Khu thương mại dịch vụ	2,00	2,00		2,00	TMD	Xã Quảng Định	Thửa đất số: 1173, 1174, 1175, 1172, 1171, 1048, 1169, 1170, 1181, 1182, 1289, 1290, 2130, 2192, 1288, 1396, 1394, 1395, 1468, 1476, 2128, 1292, 2130, 1391, 1393, 2088, 1469, 1477, 1478, 1479, 2085, 2094, 1397, 2082, 1398, 1467, 1466, 1399, 1390, 1293, 1394, 1295, 1286, 128, 1054, 1168, 1184, 1185, 1285, 1296 tờ số 10	Nghị quyết 586/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp
7	Khu du lịch sinh thái kết hợp ẩm thực đồng quê	1,00	1,00		1,00	TMD	Xã Quảng Giao	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 191/TLBĐ, tỷ lệ 1/1000 do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 14/4/2023	Quyết định 1588/UBND ngày 11/05/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
8	Khu thương mại dịch vụ văn phòng Lacons tại xã Quảng Trạch	1,51	1,51		1,51	TMD	Xã Quảng Trạch	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 513/TLBĐ, tỷ lệ 1/1000 do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 23/8/2023	Quyết định số 2011/QĐ-UBND ngày 20/5/20234 của UBND tỉnh	DA chuyển tiếp
9	Khu dịch vụ tổng hợp Minh Quân TH tại xã Quảng Trạch	0,94	0,94		0,94	TMD	Xã Quảng Trạch	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 249/TLBĐ, tỷ lệ 1/1000 do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 23/5/2023	Quyết định 2044/QĐ-UBND ngày 13/6/2023 của UBND tỉnh	DA chuyển tiếp
10	Khu dịch vụ nghỉ dưỡng Quảng Thái	2,50	2,50		2,50	TMD	Xã Quảng Thái	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 19/TLBĐ, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng đăng ký đất đai Thanh Hoá lập ngày 10/01/2022	Quyết định 908/QĐ-UBND ngày 14/3/2022 của UDND tỉnh	DA chuyển tiếp
11	Khu dịch vụ thương mại Quảng Bình	0,60	0,60		0,60	TMD	Xã Quảng Bình	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 211/TLBĐ, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 21/04/2023	Quyết định 2781/QĐ-UBND ngày 04/8/2023 của UBND tỉnh	DA chuyển tiếp

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
12	Khu dịch vụ thương mại tổng hợp An Toàn Phát	0,38	0,38		0,38	TMD	Xã Quảng Yên	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 326/TLBĐ, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 23/04/2024	Quyết định 2064/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của UBND tỉnh	DA chuyển tiếp
13	Khu dịch vụ thương mại tổng hợp Thành An	0,64	0,64		0,64	TMD	Xã Quảng Yên	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 322/TLBĐ, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 24/04/2024	Quyết định 2066/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của UBND tỉnh	DA chuyển tiếp
14	Khu dịch vụ thương mại tổng hợp Thành Công	0,28	0,28		0,28	TMD	Xã Quảng Yên	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 327/TLBĐ, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 23/04/2024	Quyết định 2063/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của UBND tỉnh	DA chuyển tiếp
1.12	**Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**									

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
1	Nhà Máy may Quảng Lợi	3,00	3,00		3,00	SKC	Xã Quảng Định	Trích lục bản đồ địa chính số 02/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hoá lập ngày 05/01/2021	Quyết định số 2594/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của UDND tỉnh gia hạn hoànthành hồ sơ cho thuê đất thực hiện dự án	DA chuyển tiếp
2	Nhà máy may mặc và may linh phụ kiện giày	2,00	2,00		2,00	SKC	Xã Quảng Trạch	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 754/TLBĐ, tỷ lệ 1/1000 do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 15/11/2022	Quyết định 944/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa	DA chuyển tiếp
4.3	**Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao**									
1	Sân golf tại xã Quảng Nham, huyện Quảng Xương	72,56	61,48		61,48	DTT	Xã Quảng Nham	Trích đo đia chính số 01/TĐĐ -2022 đươc Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 18/01/2022	Quyết định sô 4074/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của UBND tỉnhvề chấp thuận chủ trương đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư	DA chuyển tiếp
			3,53		3,53	TMD				
			3,44		3,44	DKV				
			0,49		0,49	MNC				
			3,62		3,62	DHT				

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
II	**Các công trình, dự án theo quy định tại Điều 78 và Điều 79 Luật Đất đai thực hiện trong năm kế hoạch mà chưa có các văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 67 Luật Đất đai**									
	…									
III	**Các công trình, dự án theo nhu cầu sử dụng đất không thuộc quy định tại mục I, mục II Biểu này và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai dự kiến thực hiện trong năm kế hoạch**									
3.1	**Đất ở nông thôn**									
1	Khu dân cư trung tâm xã Quảng Đức	15,77	15,77	1,55	5,36	ONT	Xã Quảng Đức	ỷ lệ 1/2000 đo vẽ năm 2025 do	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh	DA Mới
					0,17	DGD				
					0,29	TMD				
					0,07	DVH				
					0,60	DKV				
					7,69	DGT				
					0,04	DRA				

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
2	Khu dân cư thôn 5 xã Quảng Giao	12,27	12,27	0,84	4,76	ONT	Xã Quảng Giao	ạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/50	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh	DA Mới
					0,09	DVH				
					0,28	DGD				
					2,16	DKV				
					3,84	DGT				
					0,05	DRA				
					0,25	MNC				
3.2	**Đất an ninh**									
1	Trụ sở Công an xã Quảng Nham	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Quảng Nham	Tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính xã Quảng Nham đo vẽ năm 1994	Công văn số 3594/CAT-PH10 ngày 08/10/2024 về việc cập nhật kế hoạch sử dụng đất an ninh năm 2024, 2025 của Công an tỉnh Thanh Hoá	DA Mới
2	Trụ sở Công an xã Quảng Nhân	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Quảng Nhân	Thửa đất số: 696, 730, 750,751,775, 774,794; Tờ bản đồ số 12		DA Mới
3	Trụ sở Công an xã Quảng Chính	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Quảng Chính	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất		DA Mới
4	Trụ sở Công an xã Quảng Trung	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Quảng Trung	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất		DA Mới
5	Trụ sở Công an xã Quảng Ngọc	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Quảng Ngọc	Thửa đất số 525; Tờ bản đồ số 18		DA Mới

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
6	Trụ sở Công an xã Quảng Ninh	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Quảng Ninh	Thửa đất số 779, 813, 824; Tờ bản đồ số 12.	Công văn số 3594/CAT-PH10 ngày 08/10/2024 về việc cập nhật kế hoạch sử dụng đất an ninh năm 2024, 2025 của Công an tỉnh Thanh Hoá	DA Mới
7	Trụ sở Công an xã Quảng Bình	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Quảng Bình	Thửa đất số 253, 275, 1332; Tờ bản đồ số 17		DA Mới
8	Trụ sở Công an xã Quảng Hợp	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Quảng Hợp	Thửa đất số 308; Tờ bản đồ số 12		DA Mới
9	Trụ sở Công an xã Quảng Trạch	0,12	0,12		0,12	CAN	Xã Quảng Trạch	Thửa đất số 40, 53; Tờ bản đồ số 5		DA Mới
3.3	**Đất năng lương**									
1	Xây dựng xuất tuyến trung áp sau trạm 110kV Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	0,10	0,10		0,04	DNL	Xã Tiên Trang	Công trình theo tuyến	Quyết định số 1818/QĐ-EVNNPC ngày 15/8/2023 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc về việc phê duyệt danh mục và tạm giao kế hoạch vốn công trình đầu tư xây dựng bổ sung năm 2023 cho Công ty Điện lực Thanh Hoá	DA Mới
					0,01	DNL	Xã Quảng Khê	Công trình theo tuyến		
					0,02	DNL	Xã Quảng Lộc	Công trình theo tuyến		
					0,03	DNL	Xã Quảng Thái	Công trình theo tuyến		

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
2	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho lưới điện 22kV, 35kV sau các TBA 110kV Núi 1, Tây TP, Đông Sơn,Quảng Xương, Hậu Lộc, Hà Trung, Bá Thước, Thọ Xuân, Cẩm Thủy, Bãi Trành theo phương án đa chia - đa nối (MDMC) năm 2024	0,01	0,01		0,01	DNL	Xã Quảng Ngọc	Công trình theo tuyến	Quyết định số 2315/QĐ-EVNNPC ngày 09/10/2023 về việc Về việc duyệt danh mục và tạm giao KHV công trình ĐTXD năm 2024 cho Công ty Điện lực Thanh Hóa	DA Mới
3	Cải tạo đường dây 22kV, san tải trạm 110kV Tây Thành phố cho TBA 110kV Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa	0,04	0,01		0,01	DNL	Thị trấn Tân Phong	Công trình theo tuyến	Quyết định Số 3281/PCTHKT+KHVT ngày 16/12/2023	DA Mới
			0,01		0,01	DNL	Xã Quảng Giao	Công trình theo tuyến		
			0,01		0,01	DNL	Xã Quảng Định	Công trình theo tuyến		
			0,01		0,01	DNL	Xã Quảng Nhân	Công trình theo tuyến		
4	Xây dựng, cải tạo lưới điện khu vực Quảng Xương		0,02		0,02	DNL	Xã Quảng Nham; Xã Quảng Văn; thị trấn Tân Phong	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	DA Mới

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
5	Nâng cao chất lượng của lưới điện trung hạ áp năm 2024-2025 cho các TBA CC có ĐNTT > 5.000kWh/ tháng khu vực phía Nam huyện Quảng Xương		0,01		0,01	DNL	Xã Quảng Nham	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	DA Mới
			0,02		0,02	DNL	Xã Quảng Thạch	Công trình theo tuyến		
			0,01		0,01	DNL	Thị trấn Tân Phong	Công trình theo tuyến		
			0,01		0,01	DNL	Xã Quảng Hợp	Công trình theo tuyến		
			0,01		0,01	DNL	Xã Quảng Ninh	Công trình theo tuyến		
6	Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho lưới điện 22kV, 35kV sau các TBA 110kV Núi 1, Tây TP, Quảng Xương, Sầm Sơn, Hoằng Hóa, Hoằng Long, Hậu Lộc, Như Thanh, Nông Cống, Tính Gia 2 theo phương án đa chia - đa nối (MDMC) năm 2025	0,01	0,01		0,01	DNL	Xã Tiên Trang	Công trình theo tuyến	Nghị quyết số 609/NQ-HĐND ngày 14/12/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hoá	DA Mới
						DNL	Xã Quảng Thạch	Công trình theo tuyến		
3.4	**Đất thương mại dịch vụ**									

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
1	Khu phức hợp khách sạn, TTTM tại xã Quảng Nham (Cty cổ phần ORG)	89,69	89,69		89,69	TMD	Xã Quảng Nham	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 838/TLBĐ; Trích đo địa chính số 01/TĐĐC-2022 tỷ lệ 1/1000 do Sở TNMT duyệt ngày 18/01/2022; Trích đo địa chính số 02/TĐĐC-2022 tỷ lệ tỷ lệ 1/1000 do Sở TNMT duyệt ngày 30/5/2022; Trích đo địa chính số 03/TĐĐC-2022 tỷ lệ tỷ lệ 1/1000 do Sở TNMT duyệt ngày 15/7/2022	Quyết định 2159/UBND ngày 11/06/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa	DA Mới
2	Khu khách sạn, dịch vụ du lịch, biệt thự nghỉ dưỡng tại xã Quảng Nham (Cty cổ phần Bất động sản Victoria)	25,90	25,90		25,90	TMD	Xã Quảng Nham	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 838/TLBĐ; Trích đo địa chính số 01/TĐĐC-2022 tỷ lệ 1/1000 do Sở TNMT duyệt ngày 18/01/2022; Trích đo địa chính số 02/TĐĐC-2022 tỷ lệ tỷ lệ 1/1000 do Sở TNMT duyệt ngày 30/5/2022; Trích đo địa chính số 03/TĐĐC-2022 tỷ lệ tỷ lệ 1/1000 do Sở TNMT duyệt ngày 15/7/2022	Quyết định 2160/UBND ngày 11/06/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa	DA Mới

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
12	Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới và cửa hàng xăng dầu tại xã Quảng Bình	0,93	0,93		0,93	TMD	Xã Quảng Bình	Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 59/TL Đ tỷ lệ 1/1000 do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa lập ngày 16/2/2023.	Quyết định 1379/QĐ-UBND về việc chấp thuận cho Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Xuân Minh nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện đầu tư dự án phi nông nghiệp tai xã Quảng Bình.	DA Mới
IV	**Các Công trình dự án đất ở đăng ký Kế hoạch sử dụng đất, để thực hiện các thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất.**									
1	MBQH số 123//XD-UB ngày 12/10/20216	1,33	1,33		1,33	ODT	Thị trấn Tân Phong		Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 của UBND tỉnh	
2	MBQH số 23/UB-TNMT ngày 29/03/2019	0,75	0,75		0,75	ODT	Thị Trấn Tân Phong		Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 của UBND tỉnh	

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
3	MBQH kèm theo Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 18/3/2013 của UBND huyện Quảng Xương	0,32	0,32		0,32	ODT	Thị Trấn Tân Phong		Quyết định số 3657/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
4	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư đường Thanh Niên, thị trấn Tân Phong	2,70	2,70		2,70	ODT	Thị Trấn Tân Phong		Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 của UBND tỉnh	
5	Khu dân cư thôn Tân Đoài (MBQH 5998/QĐ-UBND ngày 11/10/2021)	0,26	0,26		0,26	ODT	Thị Trấn Tân Phong		Quyết định số 7010/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
6	MBQH kèm theo QĐ số 777/QĐ-UBND ngày 23/4/2018	0,03	0,03		0,0342	ONT	Xã Tiên Trang		Quyết định số 4803/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
7	MBQH kèm theo QĐ số 3099/QĐ-UBND ngày 07/7/2020	0,04	0,04		0,04	ONT	Xã Tiên Trang		Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
8	MBQH kèm theo QĐ số 4923/QĐ-UBND ngày 07/9/2020	0,35	0,35		0,3545	ONT	Xã Tiên Trang		Quyết định số 2405/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND huyện về việc thu hồi đất	

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
9	Khu dân cư mới thôn Thủ Lộc, xã Tiên Trang (Khu dân cư mới thôn Thủ Lộc, xã Tiên Trang (MBQH 2187/QĐ-UBND ngày 21/5/2021))	0,24	0,24		0,24	ONT	Xã Tiên Trang		Quyết đinh số 604/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
10	Trung tâm dịch vụ ăn uống, vui chơi, giải trí nhà hàng, nhà nghỉ (Thảo Linh Giang cũ)	2,10	2,10		2,10	ONT	Xã Tiên Trang		Quyết định số 4823/QĐ-UBND ngày 04/11/2019 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
11	MBQH khu dân cư mới phía nam trường Mầm Non Tiên Trang	1,20	1,20		1,20	ONT	Xã Tiên Trang		Quyết định số 2405/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
12	MBQH khu dân cư mới N12	1,14	1,14		1,14	ONT	Xã Tiên Trang		Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 25/6/2020 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
13	MBQH số 139 UB/TN-MT ngày 8/11/2016	0,07	0,07		0,07	ONT	Xã Quảng Thái		Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của UBND huyện về việc thu hồi đất	

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
14	MBQH số 75 UB/TN-MT ngày 10/7/2018	0,01	0,01		0,01	ONT	Xã Quảng Thái		Quyết định số 2307/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
15	Khu dân cư mới thôn 5	1,00	1,00		1,00	ONT	Xã Quảng Thái		Quyết định số 955/QĐ-UBND ngày 8/3/2023 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
16	MBQH kèm theo quyết định số 2651/QĐ-UBND ngày 04/6/2020	0,01	0,01		0,013	ONT	Xã Quảng Trạch		Quyết định số 6839/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
17	MBQH kèm theo quyết định số 3213/QĐ-UBND ngày 9/8/2019; MBQH khu dân cư thôn Mỹ Khê điều chỉnh quyết định 3952/QĐ-UBND ngày 03/8/2021	2,34	2,34		2,34	ONT	Xã Quảng Trạch		Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 23/6/2020 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
18	Khu dân cư thôn Câu Đồng (VT3) (MBQH QĐ 3824/QĐ-UBND ngày 4/8/2023)	2,32	2,32		2,32	ONT	Xã Quảng Trạch		Quyết định số 6839/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND huyện về việc thu hồi đất	

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
19	Mặt bằng Khu dân cư thôn Mỹ Trạch kèm theo Quyết định 3239/QĐ-UBND ngày 08/7/2021	2,75	2,75		2,75	ONT	Xã Quảng Trạch		Quyết định số 7606/QĐ-UBND ngày 09/12/2021 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
20	Mặt bằng khu, tái định cư thôn Câu Đồng kèm theo Quyết định 3213/QĐ ngày 9/8/2019	0,06	0,06		0,06	ONT	Xã Quảng Trạch		Quyết định số 6839/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
21	MBQH kèm theo QĐ số 5146/QĐ-UBND ngày 25/9/2020	0,09	0,09		0,09	ONT	Xã Quảng Thạch		Quyết định số 3472/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đấu giá	
22	MBQH kèm theo QĐ số 4542/QĐ-UBND ngày 28/12/2018	0,55	0,55		0,55	ONT	Xã Quảng Thạch		Quyết định số 3472/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đấu giá	

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
23	(MBQH kèm theo Quyết định số 5222/QĐ-UBND) khu tái định cư phục vụ dự án đường giao thông từ QL1A đi đường ven biển đoạn qua xã Quảng Chính	1,00	1,00		1,00	ONT	Xã Quảng Thạch		Quyết định số 3644/QĐ-UBND ngày 9/10/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đấu giá	
24	MBQH 3210/QĐ-UBND ngày 09/8/2019	0,03	0,03		0,03	ONT	Xã Quảng Giao		Quyết định số 6194/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
25	MBQH kèm theo QĐ số 2363 ngày 24/5/2023	3,79	3,79		3,79	ONT	Xã Quảng Giao		Quyết định số 3644/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất	
26	MBQH kèm theo quyết định số 3018/QĐ-UBND ngày 01/7/2020	0,06	0,06		0,06	ONT	Xã Quảng Hoà		Quyết định số 6786/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
27	MBQH khu dân cư thôn 1	0,95	0,95		0,95	ONT	Xã Quảng Hoà		Quyết định số 3644/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất	

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
28	MBQH kèm theo QĐ số 5959/QĐ-UBND ngày 30/11/2019	0,47	0,47		0,47	ONT	Xã Quảng Hợp		Quyết định số 675/QĐ-UBND ngày 26/2/2021 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
29	MBQH thôn Linh Hưng	0,234	0,234		0,234	ONT	Xã Quảng Hợp		Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 25/12/2006 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
30	MBQH kèm theo QĐ số 943/QĐ-UBND ngày 17/3/2021	0,10	0,10		0,10	ONT	Xã Quảng Chính		Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
31	MBQH kèm theo QĐ số 35/UB-TNMT ngày 29/3/2019	0,01	0,01		0,01	ONT	Xã Quảng Chính		Quyết định số 4796/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
32	MBQH kèm theo QĐ số 35/UB-TNMT ngày 29/3/2019	0,038	0,038		0,038	ONT	Xã Quảng Chính		Quyết định số 3644/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 của UBND huyện về việc thu hồi đất	

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
33	MBQH kèm theo QĐ số 104/UB-TNMT ngày 06/10/2017	0,13	0,13		0,13	ONT	Xã Quảng Chính		Quyết định số 2604/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
34	MBQH kèm theo QĐ số 123/UB-TNMT ngày 28/12/2017	0,05	0,05		0,05	ONT	Xã Quảng Chính		Quyết định số 2604/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
35	(MBQH kèm theo Quyết định số 2361/QĐ-UBND) khu tái định cư phục vụ dự án đường giao thông từ QL1A đi đường ven biển đoạn qua xã Quảng Thạch	2,40	2,40		2,40	ONT	Xã Quảng Chính		Quyết định số 3644/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất	
36	Khu xen cư mới thôn Bất Động (MBQH 5769/QĐ-UBND ngày 01/10/2021)	0,11	0,11		0,11	ONT	Xã Quảng Ngọc		QĐ số 743/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
37	Khu dân cư mới (thôn Xuân Thắng, Xuân Mộc), (MBQH 377/QĐ-UBND ngày 19/01/2022)	2,66	2,66		2,66	ONT	Xã Quảng Ngọc		Quyết đinh số 3819/QĐ-UBND ngày 12/9//2022 của UBND huyện về việc thu hồi đất	

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
38	Khu xen cư thôn Gia Yên (MBQH 5768/QĐ-UBND ngày 01/10/2021)	0,33	0,33		0,33	ONT	Xã Quảng Ngọc		QĐ số 4010/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
39	Khu dân cư thôn Xuân Mộc (MBQH 5791/QĐ-UBND ngày 01/10/2021)	0,07	0,07		0,07	ONT	Xã Quảng Ngọc		Quyết định số 3819/QĐ-UBND ngày 12/9/2022 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
40	Khu dân cư thôn 3 (Vị trí 2), (MBQH 5766/QĐ-UBND ngày 01/10/2021)	2,29	2,29		2,29	ONT	Xã Quảng Nhân		Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
41	Khu dân cư thôn 3 (Vị trí 1), (MBQH 5748/QĐ-UBND ngày 01/10/2021)	0,05	0,05		0,05	ONT	Xã Quảng Nhân		Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 23/3/2022 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
42	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn 6, xã Quảng Nhân (MBQH 5767/QĐ-UBND ngày 21/06/2022)	0,20	0,20		0,20	ONT	Xã Quảng Nhân		Quyết định số 4009/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND huyện về việc thu hồi đất	

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
43	Lô 36 MBQH số 15/UB/TN-MT ngày 20/4/2018	0,02	0,02		0,02	ONT	Xã Quảng Nhân		Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
44	Lô 46 MBQH số 17/UB/TN-MT ngày 20/4/2018	0,02	0,02		0,02	ONT	Xã Quảng Nhân		Quyết định số 1391/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
45	Lô 01 MBQH số 126/UB/TN-MT ngày 08/11/2016	0,01	0,01		0,01	ONT	Xã Quảng Nhân		Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
46	Khu dân cư mới thôn Xa Thư	4,67	4,67		4,67	ONT	Xã Quảng Bình		Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 11/1/2022 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
47	Khu dân cư phía đông QL 1A (thôn Cống Trúc + Trần Cầu)	2,02	2,02		2,02	ONT	Xã Quảng Bình		Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 11/1/2022 của UBND huyện về việc thu hồi đất	

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
48	Khu dân cư thôn Lộc Xá	0,19	0,19		0,19	ONT	Xã Quảng Long		Quyết định số 7837/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
49	Khu dân cư thôn Long Đông Thành	0,43	0,43		0,43	ONT	Xã Quảng Long		Quyết định số 7837/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
50	Khu dân cư Thôn Xuân Tiến	0,38	0,38		0,38	ONT	Xã Quảng Long		Quyết định số 7837/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
51	Mặt bằng Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư thôn Lộc Xá (VT2)	2,50	2,50		2,50	ONT	Xã Quảng Long		Quyết định số 7837/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
52	Mặt bằng Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Xóm Long Thọ thôn Lộc Xá (VT1)	0,50	0,50		0,50	ONT	Xã Quảng Long		Quyết định số 7837/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND huyện về việc thu hồi đất	

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
53	Khu dân cư thôn Tiên Vệ (VT2), (MBQH 3253/QĐ-UBND ngày 9/7/2021)	0,87	0,87		0,87	ONT	Xã Quảng Định		Quyết định số 8509/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
54	Khu dân cư khu vực Đồng Phù Màn thôn Thượng Đình 1, (MBQH 3256/QĐ-UBND ngày 9/7/2021)	1,19	1,19		1,19	ONT	Xã Quảng Định		Quyết định số 8509/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
55	Khu dân cư Đồng Nổ Đó thôn Trung Đình, (MBQH 3251/QĐ-UBND ngày 9/7/2021)	0,88	0,88		0,88	ONT	Xã Quảng Định		Quyết định số 8170/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
56	Khu dân cư mới Đồng Bái Nền thôn Trung Đình (dân cư thôn Trung Đình VT3), (MBQH 3251/QĐ-UBND ngày 9/7/2021)	1,07	1,07		1,07	ONT	Xã Quảng Định		Quyết định số 8509/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND huyện về việc thu hồi đất	

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
57	Khu dân cư mới Đồng Bái Cương thôn Trung Đình (MBQH 3740 ngày 01/8/2023)	1,19	1,19		1,19	ONT	Xã Quảng Định		Quyết định số 3644/QĐ-UBND ngày09/10/2023 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất	
58	Khu dân cư thôn Tiền Thịnh (VT1)	2,50	2,50		2,50	ONT	Xã Quảng Đức		Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 của UBND tỉnh	
59	Khu dân cư thôn Tiền Thịnh (VT2)	2,80	2,80		2,80	ONT	Xã Quảng Đức		Quyết định số 3644/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 của UBND tỉnh	
60	Khu dân cư thôn Hà Trung (MBQH 3279/QĐ-UBND ngày 12/7/2021)	0,04	0,04		0,04	ONT	Xã Quảng Đức		Quyết định số 5870/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
61	Khu dân cư thôn Phú Đa	0,45	0,45		0,45	ONT	Xã Quảng Đức		Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 của UBND tỉnh	

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
62	Khu dân cư Đông Kênh B28 thôn An Toàn	1,20	1,20		1,20	ONT	Xã Quảng Đức		Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 của UBND tỉnh	
63	Khu dân cư thôn Tiền Thịnh	0,09	0,09		0,09	ONT	Xã Quảng Đức		Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 của UBND tỉnh	
64	MBQH khu xen cư chợ thôn 3 xã Quảng Khê	0,09	0,09		0,09	ONT	Xã Quảng Khê		Quyết định số 4213/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
65	Khu dân cư phía bắc trường Mầm Non (MBQH 6416/QĐ-UBND ngày 20/11/2020)	0,07	0,07		0,07	ONT	Xã Quảng Khê		Quyết định số 4213/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
66	Khu tái định cư phía Tây đường Tỉnh lộ 504 (Phục vụ dự án khoáng nóng)	8,08	8,08		8,08	ONT	Xã Quảng Yên		Quyết định số 3670/QĐ-UBND ngày 05/9/2022 của UBND huyện về việc thu hồi đất	

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
67	Khu dân cư thôn Yên Vực	0,03	0,03		0,03	ONT	Xã Quảng Yên		Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 23/3/2022 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
68	Khu dân cư thôn Trung Đào	0,04	0,04		0,04	ONT	Xã Quảng Yên		Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày23/2/2022 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
69	MBQH Khu dân cư tái định cư phục vụ dự án tái định cư phía Tây tỉnh lộ 504 xã Quảng Yên	0,17	0,17		0,17	ONT	Xã Quảng Yên		Quyết định số 4396/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
70	Khu dân cư thôn Triều Công, (MBQH 5641/QĐ-UBND ngày 14/10/2020)	0,71	0,71		0,71	ONT	Xã Quảng Lộc		Quyết định số 6818/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
71	Khu dân cư phía Tây Bắc trường mầm non	1,80	1,80		1,80	ONT	Xã Quảng Lộc		Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 17/01/2022 của UBND tỉnh	

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
72	Khu dân cư, tái định cư thôn 14 xã Quảng Lưu, (MBQH 5643/QĐ-UBND ngày 14/10/2020)	0,67	0,67		0,67	ONT	Xã Quảng Lưu		Quyết định số 6946/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
73	Khu dân cư, tái định cư thôn 15 xã Quảng Lưu, (MBQH 5420/QĐ-UBND ngày 06/10/2020)	0,43	0,43		0,43	ONT	Xã Quảng Lưu		Quyết định số 7090/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
74	MBQH kèm theo QĐ số 2685/QĐ-UBND ngày 09/6/2020	0,04	0,04		0,04	ONT	Xã Quảng Lưu		Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 27/01/2021 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
	Mặt bằng quy hoạch 99A và phần thu hồi bổ sung	0,5	0,5		0,5	ONT	Xã Quảng Lưu		Quyết định số 4213/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND huyện về việc thu hồi đất	

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
75	Khu dân cư mới thôn Phúc Tâm, (MBQH 3240/QĐ-UBND ngày 8/07/2021)	1,60	1,60		1,60	ONT	Xã Quảng Phúc		Quyết định số 7266/QĐ-UBND ngày 29/11/2021 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
76	Khu dân cư mới thôn Phú Cường, Châu Sơn, (MBQH 1341/QĐ-UBND ngày 06/04/2021)	1,50	1,50		1,50	ONT	Xã Quảng Trường		Quyết định số 7624/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
77	Khu dân cư Đồng Láng thôn Thạch Tiến (MBQH 2797/QĐ-UBND ngày 16/6/2020)	1,29	1,29		1,29	ONT	Xã Quảng Trung		Quyết định số 2364/QĐ-UBND ngày 04/7/20222 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất	
78	MBQH điểm tái định cư cạnh nhà văn hóa và khu xen cư tái định cư đập bản điền thôn Dũng (MBQH kèm theo Quyết định số 5219QĐ-UBND ngày 7/11/2023)	0,65	0,65		0,65	ONT	Xã Quảng Trung		Quyết định số 3416/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 của UBND huyện về việc thu hồi đất	

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
79	MBQH kèm theo QĐ số 67UB/TN-MT ngày 25/6/2018	0,09	0,09		0,09	ONT	Xã Quảng Hải		Quyết định số 3243/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
80	MBQH kèm theo QĐ số 114/UB/TN-MT ngày 23/11/2018	0,03	0,03		0,03	ONT	Xã Quảng Hải		Quyết định số 3243/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
81	MBQH kèm theo QĐ số 3367/QĐ-UBND ngày 23/11/2018	0,90	0,90		0,90	ONT	Xã Quảng Hải		Quyết định số 4801/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
82	MBQH khu dân cư thôn 9, thôn 10 kèm theo QĐ số 3866/QĐ-UBND ngày 13/9/2022	2,00	2,00		2,00	ONT	Xã Quảng Hải		Quyết định số 1438/QĐ-UBND ngày 5/4/2023 của UBND huyện về việc thu hồi đất	

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
83	Khu dân cư thôn Bái Môn (MBQH 4916/QĐ-UBND ngày 07/09/2020)	0,21	0,21		0,21	ONT	Xã Quảng Văn		Quyết định số 3136/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
84	Khu dân cư thôn Sơn Trang (MBQH 2562/QĐ-UBND ngày 21/06/2022)	1,90	1,90		1,90	ONT	Xã Quảng Văn		Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
85	Khu dân cư thôn Quang Minh (MBQH số 4919/QĐ-UBND ngày 07/9/2020	0,16	0,16		0,16	ONT	Xã Quảng Văn		Quyết định số 887/QĐ-UBND ngày 12/03/2021 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
86	MBQH khu dân cư thôn Ước Thành	0,84	0,84		0,84	ONT	Xã Quảng Ninh		Quyết định số 6609/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
87	Mặt bằng Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư thôn Ninh Phạm (VT2)	0,01	0,01		0,01	ONT	Xã Quảng Ninh		Quyết định số 524/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của UBND huyện về việc thu hồi đất	

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
88	Mặt bằng Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư thôn ƯớcThành (VT1)	0,05	0,05		0,05	ONT	Xã Quảng Ninh		Quyết định số 6609/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
89	Mặt bằng Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư thôn ƯớcThành (VT2)	0,22	0,22		0,22	ONT	Xã Quảng Ninh		Quyết định số 524/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
90	MBQH kèm theo QĐ số 5158/UB-TNMT ngày 25/10/2019	0,08	0,08		0,08	ONT	Xã Quảng Ninh		Quyết định số 6607/QĐ-UBND ngày 03/12/2020 của UBND huyện về việc thu hồi đất	
V	**Đất nông nghiệp của UBND xã đưa vào kế hoạch để tổ chức đấu giá**									
1	Xã Quảng Yên	9,8780	9,8780		9,8780	LUC; BHK: CLN; NTS	Xã Quảng Yên	Thửa 1028 tờ 8		

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
2	Xã Tiên Trang	17,96	17,96		17,96	LUC; BHK: CLN; NTS	Xã Tiên Trang			
3	Xã Quảng Trạch	3,23	3,23		3,23	LUC; BHK: CLN; NTS	Xã Quảng Trạch			
4	Xã Quảng Trung	0,08	0,08		0,08	LUC; BHK: CLN; NTS	Xã Quảng Trung			
5	Xã Quảng Trung	9,25	9,25		9,25	LUC; BHK: CLN; NTS	Xã Quảng Trung			
6	Xã Quảng Định	9,93	9,93		9,93	LUC; BHK: CLN; NTS	Xã Quảng Định			

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
7	Xã Quảng Giao	10,93	10,93		10,93	LUC; BHK: CLN; NTS	Xã Quảng Giao			
8	Xã Quảng Văn	21,19	21,19		21,19	LUC; BHK: CLN; NTS	Xã Quảng Văn			
9	Xã Quảng Lưu	19,02	19,02		19,02	LUC; BHK: CLN; NTS	Xã Quảng Lưu			
10	Xã Quảng Long	13,49	13,49		13,49	LUC; BHK: CLN; NTS	Xã Quảng Long			
11	Xã Quảng Nhân	19,73	19,73		19,73	LUC; BHK: CLN; NTS	Xã Quảng Nhân			

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
12	Xã Quảng Đức	36,28	36,28		36,28	LUC; BHK: CLN; NTS	Xã Quảng Đức			
13	Xã Quảng Khê	19,17	19,17		19,17	LUC; BHK: CLN; NTS	Xã Quảng Khê			
14	Xã Quảng Chính	40,96	40,96		40,96	LUC; BHK: CLN; NTS	Xã Quảng Chính			
15	Xã Quảng Hải	11,44	11,44		11,44	LUC; BHK: CLN; NTS	Xã Quảng Hải			
16	Xã Quảng Phúc	7,17	7,17		7,17	LUC; BHK: CLN; NTS	Xã Quảng Phúc			

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
17	Xã Quảng Hoà	16,87	16,87		16,87	LUC; BHK: CLN; NTS	Xã Quảng Hoà			
18	Xã Quảng Ninh	14,14	14,14		14,14	LUC; BHK: CLN; NTS	Xã Quảng Ninh			
19	Xã Quảng Bình	2,85	2,85		2,85	LUC; BHK: CLN; NTS	Xã Quảng Bình			
20	Xã Quảng Lộc	23,61	23,61		23,61	LUC; BHK: CLN; NTS	Xã Quảng Lộc			
21	Xã Quảng Trường	5,58	5,58		5,58	LUC; BHK: CLN; NTS	Xã Quảng Trường			

STT	Hạng mục	Tổng diện tích dự án (ha)	Diện tích thực hiện trong năm kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số), trường hợp không có bản đồ địa chính thì sử dụng trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Văn bản pháp lý có liên quan (bao gồm một trong các loại VB sau: QĐ chấp thuận chủ trương đầu tư; QĐ phân bổ nguồn vốn, Nghị quyết của HĐND các cấp...)	Ghi chú
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
22	Xã Quảng Ngọc	23,02	23,02		23,02	LUC; BHK: CLN; NTS	Xã Quảng Ngọc			
23	Xã Quảng Hợp	26,3	26,3		26,3	LUC; BHK: CLN; NTS	Xã Quảng Hợp			
24	Xã Quảng Thạch	2	2		2	LUC; BHK: CLN; NTS	Xã Quảng Thạch			
25	Thị trấn Tân Phong	38,67	38,67		38,67	LUC; BHK: CLN; NTS	Thị trấn Tân Phong			